

Danh sách ứng viên chức danh GS, PGS năm 2024 (Xét tại Phiên họp lần thứ II của HĐGSNN nhiệm kỳ 2024-2029, ngày 2-3/11/2024)

04/11/2024

Lưu ý: Ứng viên kiểm tra kỹ thông tin liên quan, nếu có thay đổi đề nghị liên hệ theo địa chỉ e-mail: tatuan@moet.gov.vn

| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Ngành | Nơi làm việc | Quê quán (huyện/quận, tỉnh/thành phố) | Chức danh đăng ký |
|--------------------------------------------------------|------------------|-----------------------|-----------|-----------|--------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| 1. HĐGS liên ngành Chăn nuôi - Thú y - Thủy sản | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Công | 19/09/1969 | Nam | Thủy sản | Trường Đại học Cần Thơ | Mỏ Cày Bắc, Bến Tre | GS |
| 2 | Phạm Quốc Hùng | 20/06/1974 | Nam | Thủy sản | Trường Đại học Nha Trang | Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận | GS |
| 3 | Hồ Lê Quỳnh Châu | 15/04/1981 | Nữ | Chăn nuôi | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế | Đông Hà, Quảng Trị | PGS |
| 4 | Nguyễn Ngọc Đĩnh | 21/10/1983 | Nam | Thú y | Trường Đại học Tây Nguyên | Đông Hưng, Thái Bình | PGS |
| 5 | Hoàng Minh Đức | 29/03/1986 | Nam | Thú y | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Đông Anh, Hà Nội | PGS |

| | | | | | | | |
|----|----------------------|------------|-----|-----------|------------------------------------------------|----------------------|-----|
| 6 | Dương Thanh Hải | 11/06/1982 | Nam | Chăn nuôi | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế | Bố Trạch, Quảng Bình | PGS |
| 7 | Nguyễn Thanh Lãm | 01/10/1985 | Nam | Thú y | Trường Đại học Cần Thơ | Vị Thủy, Hậu Giang | PGS |
| 8 | Nguyễn Thị Trúc Linh | 06/06/1982 | Nữ | Thủy sản | Trường Đại học Trà Vinh | Cầu Ngang, Trà Vinh | PGS |
| 9 | Nguyễn Thành Luân | 17/07/1986 | Nam | Thủy sản | Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh | Hoà Thành, Tây Ninh | PGS |
| 10 | Bùi Thi Tố Nga | 24/04/1981 | Nữ | Thú y | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh | PGS |
| 11 | Phạm Cử Thiện | 20/04/1969 | Nam | Thủy sản | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh | Chợ Lách, Bến Tre | PGS |
| 12 | Bùi Đắc Thuyết | 02/09/1975 | Nam | Thủy sản | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Thọ Xuân, Thanh Hóa | PGS |

2. HĐGS ngành Cơ học

| | | | | | | | |
|---|-------------------|------------|-----|--------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----|
| 1 | Trương Tích Thiện | 20/04/1964 | Nam | Cơ học | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Cà Mau, Cà Mau | GS |
| 2 | Lê Đình Anh | 24/07/1989 | Nam | Cơ học | Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội | Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc | PGS |
| 3 | Nguyễn Ngọc Dương | 01/02/1983 | Nam | Cơ học | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Phù Mỹ, Bình Định | PGS |
| 4 | Phan Hải Đăng | 23/09/1982 | Nam | Cơ học | Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội | Đức Thọ, Hà Tĩnh | PGS |
| 5 | Phạm Tấn Hùng | 14/09/1981 | Nam | Cơ học | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 6 | Nguyễn Ngọc Linh | 09/02/1978 | Nam | Cơ học | Trường Đại học Thủy lợi | Đống Đa, Hà Nội | PGS |
| 7 | Nguyễn Thanh Nhã | 08/02/1984 | Nam | Cơ học | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Cao Lãnh, Đồng Tháp | PGS |

3. HĐGS liên ngành Cơ khí - Động lực

| | | | | | | | |
|---|---------------------|------------|-----|----------|----------------------------------------------------------------|------------------------------|-----|
| 1 | Nguyễn Trường Thịnh | 26/10/1973 | Nam | Cơ khí | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Đông Hòa, Phú Yên | GS |
| 2 | Nguyễn Hoàng Vũ | 14/02/1970 | Nam | Động lực | Học viện Kỹ thuật Quân sự | Gia Lâm, Hà Nội | GS |
| 3 | Lê Ngọc Bích | 17/04/1981 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Gò Công Tây, Tiền Giang | PGS |
| 4 | Nguyễn Trọng Du | 14/10/1982 | Nam | Cơ khí | Đại học Bách khoa Hà Nội | Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh | PGS |
| 5 | Nguyễn Tiến Dũng | 28/03/1980 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Hàng hải Việt Nam | Kiến Thụy, Hải Phòng | PGS |
| 6 | Lê Văn Dưỡng | 14/05/1983 | Nam | Cơ khí | Học viện Kỹ thuật Quân sự | Tiên Du, Bắc Ninh | PGS |
| 7 | Hoàng Tiến Đạt | 04/12/1987 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Lạc Thủy, Hòa Bình | PGS |
| 8 | Nguyễn Thành Đông | 18/01/1987 | Nam | Cơ khí | Đại học Bách khoa Hà Nội | Hải An, Hải Phòng | PGS |
| 9 | Lê Minh Đức | 15/10/1985 | Nam | Động lực | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng | Quỳnh Lưu, Nghệ An | PGS |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 10 | Dương Trường Giang | 26/10/1977 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Hà Đông, Hà Nội | PGS |
| 11 | Lê Kiều Hiệp | 20/03/1985 | Nam | Cơ khí | Đại học Bách khoa Hà Nội | Đức Thọ, Hà Tĩnh | PGS |
| 12 | Vũ Minh Hùng | 11/04/1981 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Dầu khí Việt Nam | Thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh | PGS |
| 13 | Đoàn Tất Khoa | 02/04/1980 | Nam | Cơ khí | Học viện Kỹ thuật Quân sự | Vũ Thư, Thái Bình | PGS |
| 14 | Phùng Xuân Lan | 19/06/1981 | Nữ | Cơ khí | Đại học Bách khoa Hà Nội | Đức Thọ, Hà Tĩnh | PGS |
| 15 | Ngô Ích Long | 26/06/1986 | Nam | Động lực | Đại học Bách khoa Hà Nội | Đông Anh, Hà Nội | PGS |
| 16 | Phan Thành Long | 04/05/1985 | Nam | Động lực | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng | Lệ Thủy, Quảng Bình | PGS |
| 17 | Trần Hữu Nhân | 31/05/1978 | Nam | Động lực | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp | PGS |
| 18 | Nguyễn Quốc Quân | 14/02/1984 | Nam | Động lực | Học viện Kỹ thuật Quân sự | Hải Hậu, Nam Định | PGS |
| 19 | Nguyễn Quận | 12/06/1981 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Phạm Văn Đồng | Tur Nghĩa, Quảng Ngãi | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|
| 20 | Nguyễn Văn Thành | 09/12/1989 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Văn Lang | Châu Thành, Cần Thơ | PGS |
| 21 | Bùi Gia Thịnh | 17/08/1984 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Hải Phòng | Kiến Thụy, Hải Phòng | PGS |
| 22 | Nguyễn Hữu Thọ | 30/08/1985 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Nguyễn Tất Thành | Thị xã An Nhơn, Bình Định | PGS |
| 23 | Nguyễn Văn Tịnh | 16/11/1983 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Thị xã Duy Tiên, Hà Nam | PGS |
| 24 | Nguyễn Kiên Trung | 21/04/1982 | Nam | Cơ khí | Đại học Bách khoa Hà Nội | Đông Hưng, Thái Bình | PGS |
| 25 | Phạm Quang Trung | 14/07/1985 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Phù Cát, Bình Định | PGS |
| 26 | Vũ Ngọc Tuấn | 09/08/1978 | Nam | Động lực | Học viện Kỹ thuật Quân sự | Thanh Ba, Phú Thọ | PGS |
| 27 | Lương Văn Vạn | 28/03/1987 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long | Giồng Trôm, Bến Tre | PGS |
| 28 | Phạm Hoàng Vương | 07/06/1979 | Nam | Cơ khí | Trường Đại học Giao thông vận tải | Hoàng Hoá, Thanh Hoá | PGS |

4. HĐGS ngành Công nghệ thông tin

| | | | | | | | |
|---|---------------------|------------|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 1 | Lê Sỹ Vinh | 29/05/1980 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội | Đô Lương, Nghệ An | GS |
| 2 | Phạm Hoàng Anh | 16/02/1982 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Đức Phổ, Quảng Ngãi | PGS |
| 3 | Nguyễn Thị Ngọc Anh | 01/06/1981 | Nữ | Công nghệ Thông tin | Khoa Toán Tin, Đại học Bách khoa Hà Nội | Đan Phượng, Hà Nội | PGS |
| 4 | Ban Hà Bằng | 08/03/1983 | Nam | Công nghệ Thông tin | Đại học Bách khoa Hà Nội | Hoà An, Cao Bằng | PGS |
| 5 | Phạm Văn Cảnh | 29/11/1989 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Phenikaa | Quảng Yên, Quảng Ninh | PGS |
| 6 | Nguyễn Thanh Hải | 16/01/1987 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Cần Thơ | Bình Thủy, Cần Thơ | PGS |
| 7 | Dương Văn Hải | 24/07/1982 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Đà Lạt | Tiên Lãng, Hải Phòng | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------|------------|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 8 | Nguyễn Văn Hậu | 24/04/1980 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên | Khoái Châu, Hưng Yên | PGS |
| 9 | Nguyễn Đình Hiến | 28/03/1986 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 10 | Võ Đình Hiếu | 18/03/1979 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội | Lệ Thủy, Quảng Bình | PGS |
| 11 | Lê Văn Hòa | 30/07/1985 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Du lịch, Đại học Huế | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 12 | Lê Văn Hùng | 23/11/1987 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Tân Trào | Thị xã Phú Thọ, Phú Thọ | PGS |
| 13 | Dương Thăng Long | 10/11/1976 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Mở Hà Nội | Thạch Hà, Hà Tĩnh | PGS |

| | | | | | | | |
|-------------------------------|--------------------|------------|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----|
| 14 | Trần Giang Sơn | 07/10/1985 | Nam | Công nghệ Thông tin | Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Hoa Lư, Ninh Bình | PGS |
| 5. HĐGS ngành Dược học | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Vân Anh | 05/11/1986 | Nữ | Dược học | Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | Thanh Chương, Nghệ An | PGS |
| 2 | Huỳnh Thị Mỹ Duyên | 20/06/1978 | Nữ | Dược học | Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | Thốt Nốt, Cần Thơ | PGS |
| 3 | Nguyễn Trường Huy | 22/10/1986 | Nam | Dược học | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Quảng Trạch, Quảng Bình. | PGS |
| 4 | Nguyễn Phục Hưng | 27/05/1985 | Nam | Dược học | Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | Cái Răng, Cần Thơ | PGS |
| 5 | Bùi Thị Thúy Luyện | 31/05/1987 | Nữ | Dược học | Trường Đại học Dược Hà Nội | Ý Yên, Nam Định | PGS |
| 6 | Ngô Thị Quỳnh Mai | 20/11/1984 | Nữ | Dược học | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng | Tiền Hải, Thái Bình | PGS |
| 7 | Lê Văn Minh | 05/11/1985 | Nam | Dược học | Viện Dược liệu | Tân Hưng, Long An | PGS |

| | | | | | | | |
|--------------------------------------------------------|----------------------|------------|-----|-------------|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 8 | Trần Cao Sơn | 03/02/1982 | Nam | Dược học | Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh Thực phẩm Quốc gia | Vinh Linh, Quảng Trị | PGS |
| 9 | Trương Thanh Tùng | 05/12/1989 | Nam | Dược học | Trường Đại học Phenikaa | Thanh Miện, Hải Dương | PGS |
| 6. HĐGS liên ngành Điện - Điện tử - Tự động hóa | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Đức | 01/08/1973 | Nam | Điện tử | Trường Điện - Điện tử, Đại học Bách khoa Hà Nội | Hà Trung, Thanh Hóa | GS |
| 2 | Trần Hoài Linh | 17/07/1974 | Nam | Tự động hoá | Trường Điện - Điện tử, Đại học Bách khoa Hà Nội | Phù Cát, Bình Định | GS |
| 3 | Lê Trung Thành | 10/11/1980 | Nam | Điện tử | Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | Vinh Tường, Vĩnh Phúc | GS |
| 4 | Đình Hoàng Bách | 03/10/1972 | Nam | Điện | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Điện Bàn, Quảng Nam | PGS |
| 5 | Nguyễn Bá Cao | 10/10/1984 | Nam | Điện tử | Trường Sĩ quan Thông tin, Binh chủng Thông tin liên lạc | Yên Thành, Nghệ An | PGS |
| 6 | Thái Truyền Đại Chấn | 05/10/1981 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Việt Đức | Tri Tôn, An Giang | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------|------------|-----|-------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|-----|
| 7 | Phan Đình Chung | 10/07/1980 | Nam | Điện | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng | Phú Hoà, Phú Yên | PGS |
| 8 | Trần Đức Chuyển | 30/12/1977 | Nam | Tự động hoá | Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp | Vụ Bản, Nam Định | PGS |
| 9 | Lâm Sinh Công | 18/05/1988 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội | Hải Hậu, Nam Định | PGS |
| 10 | Lê Quốc Cường | 22/12/1968 | Nam | Điện tử | Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh | Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 11 | Bùi Minh Dương | 13/09/1986 | Nam | Điện | Trường Đại học Việt Đức | Tam Bình, Vĩnh Long | PGS |
| 12 | Vũ Hoàng Giang | 04/07/1979 | Nam | Điện | Trường Đại học Điện lực | Hải An, Hải Phòng | PGS |
| 13 | Võ Thanh Hà | 02/12/1979 | Nữ | Tự động hoá | Trường Đại học Giao thông vận tải | Hương Trà, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 14 | Bùi Huy Hải | 09/07/1974 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp | Vụ Bản, Nam Định | PGS |
| 15 | Trần Mạnh Hoàng | 05/10/1977 | Nam | Điện tử | Trường Sĩ quan Thông tin | Đức Thọ, Hà Tĩnh | PGS |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 16 | Lê Đức Hùng | 27/10/1979 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Phù Cát, Bình Định | PGS |
| 17 | Trịnh Lê Huy | 20/12/1988 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Hoài Nhơn, Bình Định | PGS |
| 18 | Nguyễn Thanh Hường | 02/06/1984 | Nữ | Tự động hoá | Trường Điện – Điện tử, Đại học Bách khoa Hà Nội | Nam Từ Liêm, Hà Nội | PGS |
| 19 | Hoàng Mạnh Kha | 25/06/1979 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Thanh Liêm, Hà Nam | PGS |
| 20 | Mai Thăng Long | 15/09/1981 | Nam | Tự động hoá | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Thăng Bình, Quảng Nam | PGS |
| 21 | Văn Tấn Lượng | 20/08/1979 | Nam | Điện | Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh | Chợ Gạo, Tiền Giang | PGS |
| 22 | Lê Thị Phương Mai | 28/10/1985 | Nữ | Điện tử | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng | Thọ Xuân, Thanh Hóa | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-------------------------|------------|-----|-------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----|
| 23 | Võ Tuấn Minh | 21/12/1982 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng | Lệ Thủy, Quảng Bình | PGS |
| 24 | Nguyễn Hồng Việt Phương | 12/03/1984 | Nam | Điện | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng | Cẩm Lệ, Đà Nẵng | PGS |
| 25 | Ngô Thanh Quyền | 28/02/1978 | Nam | Tự động hoá | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Mỏ Cày Nam, Bến Tre | PGS |
| 26 | Nguyễn Nhật Tân | 27/04/1986 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Diên Khánh, Khánh Hòa | PGS |
| 27 | Hán Trọng Thanh | 03/04/1985 | Nam | Điện tử | Trường Điện - Điện tử, Đại học Bách khoa Hà Nội | Tam Nông, Phú Thọ | PGS |
| 28 | Trần Đức Thiện | 06/10/1987 | Nam | Tự động hoá | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Giao Thủy, Nam Định | PGS |
| 29 | Đào Quý Thịnh | 01/01/1984 | Nam | Tự động hoá | Đại học Bách khoa Hà Nội | Thành phố Việt Trì, Phú Thọ | PGS |
| 30 | Trần Quang Thọ | 15/09/1973 | Nam | Điện | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|---------|-------------------------------------------------------|----------------------|-----|
| 31 | Đỗ Đức Trí | 27/04/1973 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Cầu Kè, Trà Vinh | PGS |
| 32 | Phạm Minh Triển | 27/07/1980 | Nam | Điện tử | Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội | Gia Bình, Bắc Ninh | PGS |
| 33 | Nguyễn Chiến Trinh | 24/01/1966 | Nam | Điện tử | Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông | Nam trực, Nam Định | PGS |
| 34 | Dương Thị Thanh Tú | 01/06/1976 | Nữ | Điện tử | Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông | Hưng Nguyên, Nghệ An | PGS |

7. HĐGS ngành Giao thông vận tải

| | | | | | | | |
|---|-----------------|------------|-----|--------------------|---------------------------------------------|-------------------------|-----|
| 1 | Bùi Tiến Thành | 25/10/1976 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Giao thông vận tải | Xuân Trường, Nam Định | GS |
| 2 | Lê Bá Anh | 16/10/1987 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Giao thông vận tải | Thành phố Vinh, Nghệ An | PGS |
| 3 | Nguyễn Thuỳ Anh | 02/04/1979 | Nữ | Giao thông vận tải | Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải | Bình Sơn, Quảng Ngãi | PGS |
| 4 | Trịnh Tú Anh | 01/09/1978 | Nữ | Giao thông vận tải | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Thanh Oai, Hà Nội | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------|------------|-----|--------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|-----|
| 5 | Nguyễn Quốc Bảo | 01/06/1980 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Thạch Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 6 | Lý Hải Bằng | 02/11/1985 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải | Gia Viễn, Ninh Bình | PGS |
| 7 | Phạm Thái Bình | 26/04/1986 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải | Kiến Xương, Thái Bình | PGS |
| 8 | Lê Bá Danh | 05/09/1984 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh | PGS |
| 9 | Đoàn Văn Đồng | 22/11/1987 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh | Hương Sơn, Hà Tĩnh | PGS |
| 10 | Hoàng Việt Hải | 12/10/1983 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Giao thông vận tải | Cẩm Khê, Phú Thọ | PGS |
| 11 | Nguyễn Văn Hậu | 22/07/1977 | Nam | Giao thông vận tải | Trường đại học Giao thông vận tải | Lý Nhân, Hà Nam | PGS |
| 12 | Trần Quang Học | 15/01/1977 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Giao thông vận tải | Phù Cừ, Hưng Yên | PGS |
| 13 | Trần Nam Hưng | 31/10/1979 | Nam | Giao thông vận tải | Học viện Kỹ thuật Quân sự | Tiên Lữ, Hưng Yên | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|------------|-----|--------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|-----|
| 14 | Đặng Hồng Lam | 23/05/1981 | Nam | Giao thông vận tải | Trường đại học Giao thông vận tải | Anh Sơn, Nghệ An | PGS |
| 15 | Nguyễn Ngọc Lân | 04/10/1982 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Giao thông vận tải | Bắc Từ Liêm, Hà Nội | PGS |
| 16 | Nguyễn Hoàng Quân | 20/12/1985 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Giao thông vận tải | Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh | PGS |
| 17 | Hồ Văn Quân | 12/08/1977 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng | Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | PGS |
| 18 | Nguyễn Đình Thạch | 26/01/1971 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Hàng hải Việt Nam | Bình Giang, Hải Dương | PGS |
| 19 | Nguyễn Duy Thảo | 25/09/1978 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng | Tiên Phước, Quảng Nam | PGS |
| 20 | Nguyễn Ngọc Thắng | 13/08/1979 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Tiền Giang | Chợ Gạo, Tiền Giang | PGS |
| 21 | Đỗ Quang Thắng | 08/06/1987 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Nha Trang | An Dương, Hải Phòng | PGS |
| 22 | Phan Văn Tiến | 10/10/1984 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Vinh | Yên Thành, Nghệ An | PGS |

| | | | | | | | |
|----------------------------------------|-------------------|------------|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|-----|
| 23 | Nguyễn Văn Tiếp | 13/10/1987 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Bình Lục, Hà Nam | PGS |
| 24 | Nguyễn Đức Trọng | 06/04/1978 | Nam | Giao thông vận tải | Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh | Kỳ Anh, Hà Tĩnh | PGS |
| 25 | Vũ Ngọc Trụ | 06/02/1975 | Nam | Giao thông vận tải | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Phú Xuyên, Hà Tây | PGS |
| 26 | Mai Thị Hải Vân | 28/12/1980 | Nữ | Giao thông vận tải | Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải | Nga Sơn, Thanh Hóa | PGS |
| 8. HĐGS ngành Khoa học Giáo dục | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Tân An | 07/04/1979 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế | Hòa Vang, Đà Nẵng | PGS |
| 2 | Võ Thị Kim Anh | 02/07/1974 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng | Triệu Phong, Quảng Trị | PGS |
| 3 | Phạm Thị Bền | 06/06/1979 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Vĩnh Bảo, Hải Phòng | PGS |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|------------|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|
| 4 | Nguyễn Hữu Cường | 29/05/1977 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Văn Lang | Sơn Động, Bắc Giang | PGS |
| 5 | Đỗ Hồng Cường | 09/12/1974 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Thủ đô Hà Nội | Thanh Liêm, Hà Nam | PGS |
| 6 | Lê Minh Cường | 30/11/1984 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Đồng Tháp | Châu Thành, Đồng Tháp | PGS |
| 7 | Huỳnh Thị Thuý Diễm | 12/03/1973 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Cần Thơ | Châu Thành, Long An | PGS |
| 8 | Tưởng Duy Hải | 10/02/1980 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Ứng Hòa, Hà Nội | PGS |
| 9 | Hoàng Nam Hải | 02/09/1962 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng | Thị xã Ba Đồn, Quảng Bình | PGS |
| 10 | Tạ Thị Thu Hiền | 12/07/1977 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội | Yên Lạc, Vĩnh Phúc | PGS |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|-------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 11 | Châu Thị Hoàng Hoa | 10/04/1975 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Trà Vinh | Càng Long, Trà Vinh | PGS |
| 12 | Vũ Thị Thu Hoài | 26/06/1972 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội | Bình Giang, Hải Dương | PGS |
| 13 | Nguyễn Thanh Hùng | 17/07/1980 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế | Quảng Xương, Thanh Hoá | PGS |
| 14 | Bùi Phú Hưng | 23/09/1973 | Nam | Khoa học Giáo dục | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 15 | Hà Thị Kim Linh | 26/06/1978 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên | Võ Nhai, Thái Nguyên | PGS |
| 16 | Đoàn Nguyệt Linh | 18/11/1980 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội | Lâm Thao, Phú Thọ | PGS |
| 17 | Nguyễn Quang Linh | 07/12/1982 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên | Gia Bình, Bắc Ninh | PGS |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|------------|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 18 | Nguyễn Văn Lượng | 26/10/1962 | Nam | Khoa học Giáo dục | Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh | Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh | PGS |
| 19 | Nguyễn Thị Việt Nga | 10/12/1986 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 | Mê Linh, Hà Nội | PGS |
| 20 | Nguyễn Thị Ngọc | 14/04/1982 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên | Đại Từ, Thái Nguyên | PGS |
| 21 | Nguyễn Lan Phương | 04/06/1981 | Nữ | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Nguyễn Tất Thành | Gia Lâm, Hà Nội | PGS |
| 22 | Lê Văn Thăng | 25/03/1973 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 23 | Nguyễn Anh Thi | 02/12/1985 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Cần Thơ | Mỏ Cày Nam, Bến Tre | PGS |
| 24 | Hồ Văn Thống | 02/10/1968 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Đồng Tháp | Cái Bè, Tiền Giang | PGS |

| | | | | | | | |
|---------------------------------------------------------|---------------------|------------|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 25 | Nguyễn Đăng Trung | 27/01/1977 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Thủ đô Hà Nội | Việt Yên, Bắc Giang | PGS |
| 26 | Nguyễn Anh Tuấn | 10/11/1973 | Nam | Khoa học Giáo dục | Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội | Thị xã Phú Thọ, Phú Thọ | PGS |
| 27 | Lê Huy Tùng | 30/05/1976 | Nam | Khoa học Giáo dục | Đại học Bách khoa Hà Nội | Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa | PGS |
| 9. HĐGS liên ngành Hóa học - Công nghệ thực phẩm | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Minh Huệ | 17/07/1972 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh | GS |
| 2 | Nguyễn Trung Nhân | 21/06/1974 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Ninh Hòa, Khánh Hòa | GS |
| 3 | Mai Thanh Phong | 03/02/1972 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Đức Thọ, Hà Tĩnh | GS |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|------------|-----|---------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----|
| 4 | Nguyễn Thành Danh | 26/06/1982 | Nam | Hoá học | Viện Công nghệ Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Sông Cầu, Phú Yên | PGS |
| 5 | Nguyễn Quốc Dũng | 17/07/1982 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên | Bình Lục, Hà Nam | PGS |
| 6 | Nguyễn Tiến Dũng | 13/09/1973 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Thạch Thất, Hà Nội | PGS |
| 7 | Lê Thị Duyên | 23/12/1976 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Mỏ - Địa chất | Thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa | PGS |
| 8 | Trần Quang Đệ | 09/09/1979 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Cần Thơ | Bình Tân, Vĩnh Long | PGS |
| 9 | Trịnh Thu Hà | 03/05/1980 | Nữ | Hoá học | Viện Hoá học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Mỹ Đức, Hà Nội | PGS |
| 10 | Lê Vũ Hà | 20/11/1987 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | PGS |
| 11 | Lê Trung Hiếu | 06/09/1987 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế | Phú Vang, Thừa Thiên Huế | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------|------------|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 12 | Nguyễn Phi Hùng | 10/02/1980 | Nam | Hoá học | Viện Hoá học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Tiên Lữ, Hưng Yên | PGS |
| 13 | Dương Hữu Huy | 23/06/1985 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh | Phú Bình, Thái Nguyên | PGS |
| 14 | Đình Quý Hương | 18/04/1986 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế | Triệu Phong, Quảng Trị | PGS |
| 15 | Tạ Thị Minh Ngọc | 25/02/1982 | Nữ | Công nghệ thực phẩm | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thanh Xuân, Hà Nội | PGS |
| 16 | Võ Thắng Nguyễn | 17/12/1985 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng | Hoà Vang, Đà Nẵng | PGS |
| 17 | Đặng Hoàng Phú | 23/10/1989 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 18 | Phan Hồng Phương | 18/12/1986 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Đức Thọ, Hà Tĩnh | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|------------|-----|---------|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 19 | Phạm Hồ Mỹ Phương | 19/10/1978 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Đức Phổ, Quảng Ngãi | PGS |
| 20 | Hà Thị Kim Quy | 19/05/1988 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Cần Thơ | Duyên Hải, Trà Vinh | PGS |
| 21 | Bùi Minh Quý | 19/03/1983 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Quỳnh Phụ, Thái Bình | PGS |
| 22 | Phạm Hương Quỳnh | 01/06/1978 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Quỳnh Phụ, Thái Bình | PGS |
| 23 | Bùi Hữu Tài | 13/12/1984 | Nam | Hoá học | Viện Hóa sinh biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Thanh Hà, Hải Dương | PGS |
| 24 | Nguyễn Tấn Tài | 25/10/1988 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Trà Vinh | Càng Long, Trà Vinh | PGS |
| 25 | Lê Thế Tâm | 16/09/1984 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Vinh | Hương Sơn, Hà Tĩnh | PGS |
| 26 | Vũ Đình Thảo | 09/10/1981 | Nam | Hoá học | Học viện Kỹ thuật Quân sự | Yên Định, Thanh Hoá | PGS |
| 27 | Trương Thị Thảo | 31/01/1980 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Phú Bình, Thái Nguyên | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|-----|---------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------|-----|
| 28 | Đàm Xuân Thắng | 24/04/1979 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Thái Thụy, Thái Bình | PGS |
| 29 | Ngô Hồng Ánh Thu | 17/04/1987 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Hà Đông, Hà Nội | PGS |
| 30 | Nguyễn Thị Thanh Thúy | 20/07/1975 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 31 | Nguyễn Thị Thu Thúy | 19/01/1984 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên | PGS |
| 32 | Bùi Thị Thu Trang | 10/04/1985 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Ý Yên, Nam Định | PGS |
| 33 | Lê Thị Thanh Trân | 10/02/1984 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Đà Lạt | Đô Lương, Nghệ An | PGS |
| 34 | Huỳnh Thị Miên Trung | 25/05/1984 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Quy Nhơn | Tur Nghĩa, Quảng Ngãi | PGS |
| 35 | Phạm Quang Trung | 25/09/1982 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Duy Tiên, Hà Nam | PGS |
| 36 | Phùng Anh Tuấn | 11/09/1981 | Nam | Hoá học | Đại học Bách khoa Hà Nội | Ứng hoà, Hà Nội | PGS |

| | | | | | | | |
|---------------------------------------------------|--------------------|------------|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 37 | Nguyễn Ngọc Tuấn | 19/02/1982 | Nam | Hoá học | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Hậu Lộc, Thanh Hóa | PGS |
| 38 | Đỗ Thị Cẩm Vân | 08/07/1985 | Nữ | Hoá học | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Thành phố Hải Dương, Hải Dương | PGS |
| 12. HĐGS liên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ | | | | | | | |
| 1 | Trần Tuấn Anh | 16/10/1973 | Nam | Khoa học Trái đất | Viện Địa chất, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Thạch Hà, Hà Tĩnh | GS |
| 2 | Nguyễn Hải Âu | 21/06/1979 | Nam | Khoa học Trái đất | Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thị xã Hoài Nhơn, Bình Định | PGS |
| 3 | Đặng Kinh Bắc | 15/01/1989 | Nam | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh | PGS |
| 4 | Nguyễn Quyết Chiến | 12/01/1976 | Nam | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Thanh Miện, Hải Dương | PGS |
| 5 | Nguyễn Bá Dũng | 05/03/1966 | Nam | Mỏ | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Thành phố Hưng Yên, Hưng Yên | PGS |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------|-----|
| 6 | Lưu Việt Dũng | 27/12/1987 | Nam | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Thành phố Việt Trì, Phú Thọ | PGS |
| 7 | Nguyễn Hữu Duy | 15/11/1989 | Nam | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Thuận Thành, Bắc Ninh | PGS |
| 8 | Lê Quang Duyến | 20/10/1980 | Nam | Mỏ | Trường Đại học Mỏ - Địa chất | Triệu Sơn, Thanh Hóa | PGS |
| 9 | Phùng Thái Dương | 19/08/1983 | Nam | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Đồng Tháp | Châu Thành, Bến Tre | PGS |
| 10 | Lê Thị Thu Hà | 30/04/1978 | Nữ | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Mỏ - Địa chất | Thanh Hà, Hải Dương | PGS |
| 11 | Nguyễn Thị An Hằng | 26/11/1975 | Nữ | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội | Cầu Giấy, Hà Nội | PGS |
| 12 | Hà Thị Hằng | 31/12/1981 | Nữ | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Đức Thọ, Hà Tĩnh | PGS |
| 13 | Trần Thị Thu Hương | 11/08/1978 | Nữ | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Mỏ - Địa chất | Hưng Hà, Thái Bình | PGS |
| 14 | Dương Thị Lợi | 17/10/1988 | Nữ | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Sông Lô, Vĩnh Phúc | PGS |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|------------|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----|
| 15 | Nguyễn Thu Nhung | 12/11/1984 | Nữ | Khoa học Trái đất | Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Thái Thụy, Thái Bình | PGS |
| 16 | Nguyễn Ý Như | 23/01/1987 | Nữ | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Nghi Xuân, Hà Tĩnh | PGS |
| 17 | Nguyễn Thị Hà Thành | 08/11/1983 | Nữ | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Cầu Giấy, Hà Nội | PGS |
| 18 | Ngô Thị Thu Trang | 22/04/1980 | Nữ | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Cần Đước, Long An | PGS |
| 19 | Trần Đình Trọng | 20/09/1982 | Nam | Khoa học Trái đất | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Nam Trực, Nam Định | PGS |

13. HĐGS ngành Kinh tế

| | | | | | | | |
|---|----------------------|------------|-----|---------|----------------------------------------------------------------|----------------------------|-----|
| 1 | Đặng Văn Dân | 08/07/1978 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Thị xã Gò Công, Tiền Giang | GS |
| 2 | Nguyễn Thành Hiếu | 06/05/1976 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Lệ Thủy, Quảng Bình | GS |
| 3 | Đào Văn Hùng | 12/06/1960 | Nam | Kinh tế | Học viện Chính sách và Phát triển | Thái Thụy, Thái Bình | GS |
| 4 | Trần Thị Thanh Tú | 15/11/1976 | Nữ | Kinh tế | Đại học Quốc gia Hà Nội | Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận | GS |
| 5 | Lê Hoàng Anh | 03/02/1989 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Vĩnh Bảo, Hải Phòng | PGS |
| 6 | Đặng Lan Anh | 20/10/1988 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Hồng Đức | Nông Cống, Thanh Hóa | PGS |
| 7 | Nguyễn Phương Anh | 07/11/1975 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thuận Thành, Bắc Ninh | PGS |
| 8 | Hoàng Dương Việt Anh | 12/01/1984 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng | Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | PGS |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|---------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 9 | Phùng Thanh Bình | 18/07/1984 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thị xã Hoài Nhơn, Bình Định | PGS |
| 10 | Lê Hà Diễm Chi | 20/12/1974 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Phú Lộc, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 11 | Nguyễn Thị Kim Chi | 29/03/1982 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội | Đông Sơn, Thanh Hóa | PGS |
| 12 | Nguyễn Hoàng Chung | 02/02/1990 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Phù Mỹ, Bình Định | PGS |
| 13 | Đặng Thành Cương | 25/10/1980 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Vinh | Diễn Châu, Nghệ An | PGS |
| 14 | Nguyễn Quốc Cường | 23/09/1987 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 15 | Nguyễn Thành Cường | 29/12/1971 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Nha Trang | Thị xã An Nhơn, Bình Định | PGS |
| 16 | Lê Thị Thu Diễm | 02/12/1979 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Trà Vinh | Vị Thanh, Hậu Giang | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------------|------------|-----|---------|---------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 17 | Nguyễn Ngọc Khánh Dung | 16/08/1982 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Thị trấn Bến Lức, Long An | PGS |
| 18 | Nguyễn Thị Phương Dung | 23/11/1982 | Nữ | Kinh tế | Viện Kinh tế và Quản lý, Đại học Bách khoa Hà Nội | Thanh Xuân, Hà Nội | PGS |
| 19 | Nguyễn Tiến Dũng | 13/03/1969 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | Gia Lộc, Hải Dương | PGS |
| 20 | Đặng Thị Thúy Duyên | 20/06/1983 | Nữ | Kinh tế | Học viện Ngân hàng | Hưng Hà, Thái Bình | PGS |
| 21 | Nguyễn Duy Đạt | 11/07/1981 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Thương mại | Hoài Đức, Hà Nội | PGS |
| 22 | Lương Thu Hà | 01/08/1983 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Yên Bình, Yên Bái | PGS |
| 23 | Nguyễn Vân Hà | 26/11/1981 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Ngoại Thương | Ân Thi, Hưng Yên | PGS |
| 24 | Nguyễn Thị Việt Hà | 12/11/1980 | Nữ | Kinh tế | Học viện Ngân hàng | Thành phố Phố Yên, Thái Nguyên | PGS |
| 25 | Trần Nguyễn Khánh Hải | 26/06/1987 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Tài chính - Marketing | Hậu Lộc, Thanh Hóa | PGS |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|------------|-----|---------|--------------------------------------------------|-------------------------|-----|
| 26 | Trần Thị Bích Hạnh | 26/05/1984 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học FPT | Phúc Thọ, Hà Nội | PGS |
| 27 | Lê Thị Mỹ Hạnh | 18/01/1979 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Thanh Khê, Đà Nẵng | PGS |
| 28 | Nguyễn Thu Hằng | 24/10/1975 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở II | Hoài Đức, Hà Nội | PGS |
| 29 | Phạm Thị Thúy Hằng | 08/05/1983 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Vinh | Thành phố Vinh, Nghệ An | PGS |
| 30 | Nguyễn Ngọc Hiền | 01/01/1983 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | PGS |
| 31 | Hồ Thị Hiền | 12/11/1981 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế Nghệ An | Lộc Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 32 | Nguyễn Thị Xuân Hòa | 01/01/1979 | Nữ | Kinh tế | Đại học Bách khoa Hà Nội | Đông Anh, Hà Nội | PGS |
| 33 | Cảnh Chí Hoàng | 05/03/1977 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Đan Phượng, Hà Nội | PGS |
| 34 | Nguyễn Thị Hoa Hồng | 21/12/1990 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Ngoại thương | Lý Nhân, Hà Nam | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------------|------------|-----|---------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|-----|
| 35 | Nguyễn Thị Phương Hồng | 13/08/1977 | Nữ | Kinh tế | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Phù Mỹ, Bình Định | PGS |
| 36 | Nguyễn Thị Xuân Hồng | 01/09/1980 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Đan Phượng, Hà Nội | PGS |
| 37 | Đoàn Quang Huy | 21/01/1987 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên | Trực Ninh, Nam Định | PGS |
| 38 | Ngô Quang Huy | 25/08/1985 | Nam | Kinh tế | Phân hiệu Trường Đại học FPT tại Thành phố Cần Thơ | Văn Giang, Hưng Yên | PGS |
| 39 | Ngô Thái Hưng | 03/01/1983 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Tài chính - Marketing | Cam Ranh, Khánh Hòa | PGS |
| 40 | Trần Văn Hưng | 04/06/1980 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh | Phù Mỹ, Bình Định | PGS |
| 41 | Đào Thị Hương | 21/08/1989 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Thủy lợi | Hiệp Hòa, Bắc Giang | PGS |
| 42 | Lê Thị Mai Hương | 18/08/1982 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Thọ Xuân, Thanh Hóa | PGS |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|---------|--------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 43 | Trịnh Thị Hường | 05/11/1984 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Thương mại | Xuân Trường, Nam Định | PGS |
| 44 | Phạm Thị Thu Hường | 27/08/1984 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Hùng Vương | Đoan Hùng, Phú Thọ | PGS |
| 45 | Nguyễn Văn Ít | 06/08/1975 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh | Gò Công Tây, Tiền Giang | PGS |
| 46 | Dương Đăng Khoa | 18/08/1986 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Phú Xuyên, Hà Nội | PGS |
| 47 | Dương Đăng Khoa | 12/12/1969 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Võ Trường Toản | Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 48 | Bùi Thành Khoa | 21/10/1987 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Duy Tân, Quảng Nam | PGS |
| 49 | Nguyễn Hữu Khôi | 06/11/1984 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Nha Trang | Thạch Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 50 | Nguyễn Thế Kiên | 21/08/1982 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | Đại Từ, Thái Nguyên | PGS |
| 51 | Nguyễn Đức Kiên | 28/04/1984 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế | Hậu Lộc, Thanh Hóa | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|-----|---------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 52 | Lê Phương Lan | 29/03/1980 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Ngoại thương | Hoàng Hóa, Thanh Hóa | PGS |
| 53 | Hoàng Khắc Lịch | 19/09/1983 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | Diễn Châu, Nghệ An | PGS |
| 54 | Nguyễn Thị Hương Liên | 20/03/1978 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học VinUni | Mê Linh, Hà Nội | PGS |
| 55 | Trần Thị Hồng Liên | 11/07/1983 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thường Tín, Hà Nội | PGS |
| 56 | Hoàng Cửu Long | 30/04/1977 | Nam | Kinh tế | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Điện Bàn, Quảng Nam | PGS |
| 57 | Nguyễn Ngọc Long | 02/07/1978 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh | Thọ Xuân, Thanh Hóa | PGS |
| 58 | Trần Ngọc Mai | 03/08/1991 | Nữ | Kinh tế | Học viện Ngân hàng | Bình Lục, Hà Nam | PGS |
| 59 | Nông Thị Như Mai | 17/12/1983 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Tài chính - Marketing | Trùng Khánh, Cao Bằng | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------------|------------|-----|---------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|-----|
| 60 | Phạm Hồng Mạnh | 20/10/1975 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Nha Trang | Nghĩa Hưng, Nam Định | PGS |
| 61 | Phạm Tiến Mạnh | 01/06/1986 | Nam | Kinh tế | Học viện Ngân hàng | Sóc Sơn, Hà Nội | PGS |
| 62 | Đình Tiên Minh | 03/04/1972 | Nam | Kinh tế | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Nam Sách, Hải Dương | PGS |
| 63 | Hồ Ngọc Ninh | 02/09/1982 | Nam | Kinh tế | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Hương Sơn, Hà Tĩnh | PGS |
| 64 | Đậu Hương Nam | 14/05/1984 | Nam | Kinh tế | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh | Nam Đàn, Nghệ An | PGS |
| 65 | Phạm Thị Nga | 04/02/1983 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên | Trực Ninh, Nam Định | PGS |
| 66 | Nguyễn Kế Nghĩa | 23/05/1982 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Ứng Hòa, Hà Nội | PGS |
| 67 | Đình Bảo Ngọc | 16/11/1977 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng | Điện Bàn, Quảng Nam | PGS |
| 68 | Nguyễn Thị Hồng Nguyệt | 18/08/1982 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh | Châu Thành, Long An | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------------|------------|-----|---------|------------------------------------------------|------------------------------|-----|
| 69 | Bùi Thị Minh Nguyệt | 07/09/1975 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Lâm nghiệp | Thành phố Việt Trì, Phú Thọ | PGS |
| 70 | Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt | 17/02/1986 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Thương mại | Lục Nam, Bắc Giang | PGS |
| 71 | Đào Lê Kiều Oanh | 26/02/1983 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Nhơn Trạch, Đồng Nai | PGS |
| 72 | Lê Thanh Phương | 31/01/1981 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Thủy lợi | Thủy Nguyên, Hải Phòng | PGS |
| 73 | Phùng Thanh Quang | 02/12/1984 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Mê Linh, Hà Nội | PGS |
| 74 | Nguyễn Thị Thiều Quang | 07/09/1988 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng | Quế Sơn, Quảng Nam | PGS |
| 75 | Lưu Thu Quang | 25/11/1984 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Hưng Yên, Hưng Yên | PGS |
| 76 | Ngô Văn Quang | 10/08/1984 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Kiến Xương, Thái Bình | PGS |
| 77 | Nguyễn Minh Sáng | 30/10/1986 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Ứng Hòa, Hà Nội | PGS |
| 78 | Nguyễn Tố Tâm | 08/12/1978 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Điện lực | Thanh Thủy, Phú Thọ | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|-----|---------|----------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 79 | Bùi Đan Thanh | 26/11/1981 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Đống Đa, Hà Nội | PGS |
| 80 | Nguyễn Văn Thích | 18/05/1975 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Sóc Sơn, Hà Nội | PGS |
| 81 | Trịnh Hiệp Thiện | 02/06/1984 | Nam | Kinh tế | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 82 | Nguyễn Thị Phương Thu | 01/09/1980 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | An Lão, Hải Phòng | PGS |
| 83 | Phan Chung Thủy | 18/05/1981 | Nữ | Kinh tế | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Thanh Miện, Hải Dương | PGS |
| 84 | Nguyễn Văn Thủy | 16/08/1981 | Nam | Kinh tế | Học viện Ngân hàng | Vũ Thư, Thái Bình | PGS |
| 85 | Trần Dục Thức | 01/03/1970 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Hương Thủy, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 86 | Lê Thanh Tiệp | 14/03/1978 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh | Tân Phước, Tiền Giang | PGS |
| 87 | Phùng Thái Minh Trang | 26/08/1977 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Hoa Sen | Thị xã Hoài Nhơn, Bình Định | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|-----|---------|-----------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 88 | Phạm Thu Trang | 18/05/1986 | Nữ | Kinh tế | Học viện Ngân hàng | Tiền Hải, Thái Bình | PGS |
| 89 | Nguyễn Thùy Trang | 29/04/1987 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Cần Thơ | Thị xã Giá Rai, Bạc Liêu | PGS |
| 90 | Nguyễn Thị Bích Trâm | 09/07/1986 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh | Điện Bàn, Quảng Nam | PGS |
| 91 | Nguyễn Giác Trí | 05/07/1978 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Đồng Tháp | Thành Phố Cao Lãnh, Đồng Tháp | PGS |
| 92 | Ngô Thị Thanh Trúc | 20/03/1979 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Cần Thơ | Thị xã Bình Minh, Vĩnh Long | PGS |
| 93 | Lê Hải Trung | 14/10/1989 | Nam | Kinh tế | Học viện Ngân hàng | Hải Hậu, Nam Định | PGS |
| 94 | Phùng Mạnh Trung | 20/01/1986 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Hàng hải Việt Nam | Gia Lộc, Hải Dương | PGS |
| 95 | Nguyễn Kim Quốc Trung | 13/02/1985 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Tài chính – Marketing | Đô Lương, Nghệ An | PGS |
| 96 | Đặng Anh Tuấn | 25/10/1977 | Nam | Kinh tế | Kiểm toán nhà nước Khu vực IV | Lập Thạch, Vĩnh Phúc | PGS |

| | | | | | | | |
|--------------------------------|---------------------|------------|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|
| 97 | Phạm Hoàng Uyên | 03/03/1976 | Nữ | Kinh tế | Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thanh Khê, Đà Nẵng | PGS |
| 98 | Đàng Quang Vắng | 15/06/1974 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Ninh Phước, Ninh Thuận | PGS |
| 99 | Phạm Quốc Việt | 28/02/1970 | Nam | Kinh tế | Trường Đại học Tài chính - Marketing | Thị xã An Nhơn, Bình Định | PGS |
| 100 | Hoàng Hải Yến | 06/02/1974 | Nữ | Kinh tế | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Đức Thọ, Hà Tĩnh | PGS |
| 14. HĐGS ngành Luật học | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quốc Sửu | 16/04/1973 | Nam | Luật học | Học viện Hành chính Quốc gia | Đông Anh, Hà Nội | GS |
| 2 | Lê Thị Anh Đào | 14/04/1978 | Nữ | Luật học | Trường Đại học Luật Hà Nội | Vũ Thư, Thái Bình | PGS |
| 3 | Nguyễn Ngọc Anh Đào | 17/10/1978 | Nữ | Luật học | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Mỹ Tho, Tiền Giang | PGS |
| 4 | Bùi Kim Hiếu | 29/06/1978 | Nam | Luật học | Trường Đại học Gia Định | Nha Trang, Khánh Hòa | PGS |
| 5 | Cao Nhất Linh | 01/01/1976 | Nam | Luật học | Trường Đại học Cần Thơ | Tam Bình, Vĩnh Long | PGS |

| | | | | | | | |
|---------------------------------|-----------------------|------------|-----|-----------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 6 | Trần Viết Long | 10/07/1986 | Nam | Luật học | Trường Đại học Luật, Đại học Huế | Lệ Thủy, Quảng Bình | PGS |
| 7 | Nguyễn Văn Quân | 13/02/1982 | Nam | Luật học | Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | Nam Đàn, Nghệ An | PGS |
| 8 | Nguyễn Thị Hồng Trinh | 08/05/1983 | Nữ | Luật học | Trường Đại học Luật, Đại học Huế | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 9 | Nguyễn Thị Hồng Yến | 25/12/1984 | Nữ | Luật học | Trường Đại học Luật Hà Nội | Thanh Liêm, Hà Nam | PGS |
| 15. HĐGS ngành Luyện kim | | | | | | | |
| 1 | Đặng Thị Hồng Huế | 06/02/1979 | Nữ | Luyện kim | Đại học Bách khoa Hà Nội | Ứng Hòa, Hà Nội | PGS |
| 2 | Nguyễn Ngọc Minh | 23/12/1980 | Nam | Luyện kim | Trường Vật liệu, Đại học Bách khoa Hà Nội | Vĩnh lộc, Thanh Hóa | PGS |
| 3 | Nguyễn Cao Sơn | 26/03/1983 | Nam | Luyện kim | Đại học Bách khoa Hà Nội | Kiến Xương, Thái Bình | PGS |
| 4 | Đoàn Đức Chánh Tín | 12/12/1979 | Nam | Luyện kim | Viện Công nghệ Nano, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Nam Trực, Nam Định | PGS |
| 5 | Vũ Đình Toại | 25/03/1973 | Nam | Luyện kim | Trường Cơ khí, Đại học Bách khoa Hà Nội | Thành phố Hưng Yên, Hưng Yên | PGS |

16. HĐGS ngành Ngôn ngữ học

| | | | | | | | |
|---|----------------------|------------|-----|--------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 1 | Đoàn Thục Anh | 12/12/1976 | Nữ | Ngôn ngữ học | Học viện Khoa học Quân sự | Lý Nhân, Hà Nam | PGS |
| 2 | Đặng Nguyên Giang | 03/01/1979 | Nam | Ngôn ngữ học | Trường Đại học Lao động - Xã hội | Phù Cừ, Hưng Yên | PGS |
| 3 | Trịnh Thị Hà | 03/11/1978 | Nữ | Ngôn ngữ học | Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam | Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hoá | PGS |
| 4 | Nguyễn Thị Bích Hạnh | 01/01/1977 | Nữ | Ngôn ngữ học | Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam | Thành phố Quy Nhơn, Bình Định | PGS |
| 5 | Nguyễn Tấn Lộc | 14/01/1982 | Nam | Ngôn ngữ học | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Diên Khánh, Khánh Hòa | PGS |
| 6 | Nguyễn Hồ Hoàng Thủy | 04/06/1979 | Nữ | Ngôn ngữ học | Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế | Hải Lăng, Quảng Trị | PGS |
| 7 | Vũ Văn Tuấn | 09/05/1979 | Nam | Ngôn ngữ học | Trường Đại học Luật Hà Nội | Gia Bình, Bắc Ninh | PGS |
| 8 | Lê Thị Thùy Vinh | 06/10/1985 | Nữ | Ngôn ngữ học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 | Lâm Thao, Phú Thọ | PGS |

| | | | | | | | |
|-----------------------------------------------------|---------------------|------------|-----|--------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----|
| 9 | Lưu Hớn Vũ | 18/10/1984 | Nam | Ngôn ngữ học | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang | PGS |
| 17. HĐGS liên ngành Nông nghiệp - Lâm nghiệp | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Võ Châu Ngân | 23/01/1976 | Nam | Nông nghiệp | Trường Đại học Cần Thơ | Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh | GS |
| 2 | Lưu Quang Vinh | 16/09/1980 | Nam | Lâm nghiệp | Trường Đại học Lâm nghiệp | Can Lộc, Hà Tĩnh | GS |
| 3 | Nguyễn Văn Ấy | 22/10/1980 | Nam | Nông nghiệp | Trường Đại học Cần Thơ | Thốt Nốt, Cần Thơ | PGS |
| 4 | Trần Xuân Biên | 20/06/1982 | Nam | Nông nghiệp | Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Thanh Hoá | Thanh Miện, Hải Dương | PGS |
| 5 | Mai Hải Châu | 06/08/1980 | Nam | Nông nghiệp | Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại Đồng Nai | Nga Sơn, Thanh Hóa | PGS |
| 6 | Phạm Văn Dân | 29/10/1975 | Nam | Nông nghiệp | Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam | Hải Hậu, Nam Định | PGS |
| 7 | Phan Kiều Diễm | 29/09/1983 | Nữ | Nông nghiệp | Trường Đại học Cần Thơ | Phụng Hiệp, Hậu Giang | PGS |

| | | | | | | | |
|----|----------------------|------------|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 8 | Lại Thị Ngọc Hà | 02/10/1976 | Nữ | Nông nghiệp | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Hải Hậu, Nam Định | PGS |
| 9 | Vũ Thị Thúy Hằng | 29/04/1980 | Nữ | Nông nghiệp | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Yên Định, Thanh Hóa | PGS |
| 10 | Đình Thái Hoàng | 04/09/1984 | Nam | Nông nghiệp | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Vũ Thư, Thái Bình | PGS |
| 11 | Lê Khắc Hoàng | 17/08/1975 | Nam | Nông nghiệp | Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh | Đô Lương, Nghệ An | PGS |
| 12 | Nguyễn Văn Huế | 10/07/1979 | Nam | Nông nghiệp | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 13 | Phan Trường Khanh | 30/12/1977 | Nam | Nông nghiệp | Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau | PGS |
| 14 | Nguyễn Thị Pha | 07/06/1974 | Nữ | Nông nghiệp | Trường Đại học Cần Thơ | Mỏ Cày Nam, Bến Tre | PGS |
| 15 | Trần Thị Xuân Phương | 01/10/1984 | Nữ | Nông nghiệp | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế | Trực Ninh, Nam Định | PGS |
| 16 | Phạm Thành | 31/01/1984 | Nam | Lâm nghiệp | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 17 | Võ Thị Bích Thủy | 05/02/1974 | Nữ | Nông nghiệp | Trường Đại học Cần Thơ | Thốt Nốt, Cần Thơ | PGS |

| | | | | | | | |
|--------------------------------|------------------------|------------|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 18 | Lê Thanh Toàn | 02/07/1983 | Nam | Nông nghiệp | Trường Đại học Cần Thơ | Thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long | PGS |
| 19 | Nguyễn Xuân Trường | 16/08/1973 | Nam | Nông nghiệp | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Kim Động, Hưng Yên | PGS |
| 20 | Trương Thị Bích Vân | 09/03/1978 | Nữ | Nông nghiệp | Trường Đại học Cần Thơ | Phụng Hiệp, Hậu Giang | PGS |
| 21 | Đỗ Thị Xuân | 26/01/1978 | Nữ | Nông nghiệp | Trường Đại học Cần Thơ | Châu Thành, Đồng Tháp | PGS |
| 18. HĐGS ngành Sinh học | | | | | | | |
| 1 | Trần Văn Hiếu | 26/07/1981 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Diên Khánh, Khánh Hòa | GS |
| 2 | Mai Văn Hưng | 22/02/1960 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội | Nga Sơn, Thanh Hóa | GS |
| 3 | Nguyễn Thị Phương Liên | 19/07/1973 | Nữ | Sinh học | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Ba Vì, Hà Nội | GS |

| | | | | | | | |
|---|----------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----|
| 4 | Đình Minh Quang | 16/02/1983 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Cần Thơ | Mỹ Xuyên, Sóc Trăng | GS |
| 5 | Nguyễn Đức Anh | 04/10/1978 | Nam | Sinh học | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Thường Xuân, Thanh Hóa | PGS |
| 6 | Nguyễn Dương Tâm Anh | 06/09/1979 | Nữ | Sinh học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Phú Vang, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 7 | Đỗ Văn Hải | 15/09/1980 | Nam | Sinh học | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Quỳnh Phụ, Thái Bình | PGS |
| 8 | Hoàng Phú Hiệp | 15/08/1984 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên | Bình Lục, Hà Nam | PGS |
| 9 | Huỳnh Thị Thu Huệ | 17/11/1976 | Nữ | Sinh học | Viện Nghiên cứu Hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Bình Sơn, Quảng Ngãi | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----|
| 10 | Nguyễn Đức Hùng | 12/07/1986 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên | Thạch Thất, Hà Nội | PGS |
| 11 | Nguyễn Mạnh Hùng | 25/01/1983 | Nam | Sinh học | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Nông Cống, Thanh Hóa | PGS |
| 12 | Nguyễn Xuân Huy | 11/04/1979 | Nam | Sinh học | Ban Khoa học, Công nghệ và Quan hệ Quốc tế, Đại học Huế | Triệu Phong, Quảng Trị | PGS |
| 13 | Tô Thị Mai Hương | 28/09/1983 | Nữ | Sinh học | Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | Hiệp Hòa, Bắc Giang | PGS |
| 14 | Phạm Thanh Loan | 14/08/1984 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ | Gia Viễn, Ninh Bình | PGS |
| 15 | Lê Thành Long | 25/10/1984 | Nam | Sinh học | Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Tiền Hải, Thái Bình | PGS |
| 16 | Nguyễn Trung Nam | 12/07/1976 | Nam | Sinh học | Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Tam Bình, Vĩnh Long | PGS |

| | | | | | | | |
|----|----------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----|
| 17 | Nguyễn Thị Thu Ngà | 25/09/1980 | Nữ | Sinh học | Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên | Gia Lộc, Hải Dương | PGS |
| 18 | Kim Thị Phương Oanh | 10/09/1975 | Nữ | Sinh học | Viện Nghiên cứu Hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Yên Lạc, Vĩnh Phúc | PGS |
| 19 | Trịnh Quang Pháp | 11/01/1977 | Nam | Sinh học | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Ý Yên, Nam Định | PGS |
| 20 | Thái Kế Quân | 26/01/1978 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Sài Gòn | Tấn Giang, Phước Kiến, Trung Quốc | PGS |
| 21 | Nguyễn Trường Sơn | 27/09/1976 | Nam | Sinh học | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Thành phố Hưng Yên, Hưng Yên | PGS |
| 22 | Lao Đức Thuận | 27/07/1987 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh | Quảng Đông, Trung Quốc | PGS |
| 23 | Nguyễn Thị Diệu Thúy | 20/02/1973 | Nữ | Sinh học | Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Ứng Hòa, Hà Nội | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 24 | Tạ Thị Thủy | 20/04/1981 | Nữ | Sinh học | Trường Đại học Thủ đô Hà Nội | Nga Sơn, Thanh Hoá | PGS |
| 25 | Nguyễn Quang Đức Tiến | 04/12/1983 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế | Vĩnh Linh, Quảng Trị | PGS |
| 26 | Phạm Hồng Tính | 17/07/1982 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Nam Trực, Nam Định | PGS |
| 27 | Lê Chí Toàn | 16/12/1989 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 | Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc | PGS |
| 28 | Lưu Hồng Trường | 21/01/1974 | Nam | Sinh học | Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Thành phố Tân Uyên, Bình Dương | PGS |
| 29 | Hoàng Thanh Tùng | 26/03/1989 | Nam | Sinh học | Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh | Lệ Thủy, Quảng Bình | PGS |

19. HĐGS liên ngành Sử học - Khảo cổ học - Dân tộc học/Nhân học

| | | | | | | | |
|---|---------------------|------------|-----|--------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----|
| 1 | Ngô Thị Phương Lan | 11/12/1974 | Nữ | Sử học | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Cần Đước, Long An | GS |
| 2 | Nguyễn Văn Sang | 16/08/1988 | Nam | Sử học | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng | Bố Trạch, Quảng Bình | PGS |
| 3 | Hoàng Thị Thắm | 24/08/1983 | Nữ | Sử học | Trường Đại học Thương mại | Thị xã Nghi Sơn, Thanh Hoá | PGS |
| 4 | Phạm Đức Thuận | 22/09/1987 | Nam | Sử học | Trường Đại học Cần Thơ | Phú Quốc, Kiên Giang | PGS |
| 5 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 09/12/1983 | Nữ | Sử học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Kiến Xương, Thái Bình | PGS |

20. HĐGS ngành Tâm lý học

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----|
| 1 | Lê Quang Sơn | 12/04/1964 | Nam | Tâm lý học | Đại học Đà Nẵng | Sơn Trà, Đà Nẵng | GS |
| 2 | Hà Thị Minh Chính | 09/05/1977 | Nữ | Tâm lý học | Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam | Sơn Tây, Hà Nội | PGS |
| 3 | Bùi Thị Thanh Diệu | 02/06/1982 | Nữ | Tâm lý học | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng | Thăng Bình, Quảng Nam | PGS |
| 4 | Hoàng Thế Hải | 03/11/1982 | Nam | Tâm lý học | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng | Hoàng Hoá, Thanh Hoá | PGS |
| 5 | Nguyễn Trung Hải | 06/08/1979 | Nam | Tâm lý học | Trường đại học Lao động - Xã hội | Tiên Lữ, Hưng Yên | PGS |
| 6 | Bùi Thị Thu Huyền | 19/05/1979 | Nữ | Tâm lý học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Nho Quan, Ninh Bình | PGS |
| 7 | Nguyễn Thị Hương | 25/09/1976 | Nữ | Tâm lý học | Trường Đại học Lao động - Xã hội | Thanh Hà, Hải Dương | PGS |
| 8 | Trần Lệ Thanh | 19/07/1976 | Nữ | Tâm lý học | Học viện An ninh nhân dân | Yên Dũng, Bắc Giang | PGS |
| 9 | Đỗ Tất Thiên | 11/12/1988 | Nam | Tâm lý học | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi | PGS |
| 10 | Vũ Thu Trang | 14/10/1990 | Nữ | Tâm lý học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Vĩnh Bảo, Hải Phòng | PGS |

| | | | | | | | |
|--------------------------------|--------------------|------------|-----|------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 11 | Phạm Văn Tuấn | 28/08/1983 | Nam | Tâm lý học | Trường Đại học Văn Lang | Thái Thụy, Thái Bình | PGS |
| 21. HĐGS ngành Thủy lợi | | | | | | | |
| 1 | Phạm Quý Nhân | 20/12/1960 | Nam | Thủy lợi | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Vĩnh Lộc, Thanh Hoá | GS |
| 2 | Trần Đăng An | 25/05/1984 | Nam | Thủy lợi | Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi tại tỉnh Bình Dương | Nam Đàn, Nghệ An | PGS |
| 3 | Lưu Thị Diệu Chinh | 12/11/1983 | Nữ | Thủy lợi | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Nghi Lộc, Nghệ An | PGS |
| 4 | Nguyễn Việt Đức | 26/04/1984 | Nam | Thủy lợi | Trường Đại học Thủy lợi | Thành phố Từ Sơn, Bắc Ninh | PGS |
| 5 | Nguyễn Văn Hồng | 22/10/1979 | Nam | Thủy lợi | Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu | Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp | PGS |
| 6 | Đình Nhật Quang | 08/07/1984 | Nam | Thủy lợi | Trường Đại học Thủy lợi | Gia Viễn, Ninh Bình | PGS |
| 7 | Nguyễn Ngọc Sơn | 25/05/1975 | Nam | Thủy lợi | Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội | Kim Thành, Hải Dương | PGS |

| | | | | | | | |
|--------------------------------|-----------------|------------|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----|
| 8 | Lê Văn Thảo | 10/04/1984 | Nam | Thủy lợi | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | PGS |
| 9 | Đoàn Yên Thế | 25/10/1973 | Nam | Thủy lợi | Trường Đại học Thủy lợi | Tiên Lữ, Hưng Yên | PGS |
| 22. HĐGS ngành Toán học | | | | | | | |
| 1 | Phạm Ngọc Anh | 02/8/1970 | Nam | Toán học | Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông | Vĩnh Bảo, Hải Phòng | GS |
| 2 | Mai Hoàng Biên | 15/02/1982 | Nam | Toán học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Quảng Ngãi | GS |
| 3 | Lê Văn Thành | 27/07/1978 | Nam | Toán học | Trường Đại học Vinh | Thạch Hà, Hà Tĩnh | GS |
| 4 | Hoàng Lê Trường | 20/12/1984 | Nam | Toán học | Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Giao Thủy, Nam Định | GS |
| 5 | Đào Tuấn Anh | 14/04/1987 | Nam | Toán học | Khoa Toán - Tin, Đại học Bách khoa Hà Nội | Văn Giang, Hưng Yên | PGS |
| 6 | Trần Mạnh Cường | 21/12/1977 | Nam | Toán học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Lý Nhân, Hà Nam | PGS |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 7 | Đỗ Việt Cường | 28/12/1984 | Nam | Toán học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Thanh Liêm, Hà Nam | PGS |
| 8 | Huỳnh Thị Hồng Diễm | 01/01/1984 | Nữ | Toán học | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Hòn Đất, Kiên Giang | PGS |
| 9 | Nguyễn Văn Dũng | 15/05/1981 | Nam | Toán học | Trường Đại học Đồng Tháp | Thanh Chương, Nghệ An | PGS |
| 10 | Cấn Văn Hào | 20/12/1989 | Nam | Toán học | Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Thạch Thất, Hà Nội | PGS |
| 11 | Huỳnh Minh Hiền | 10/03/1982 | Nam | Toán học | Trường Đại học Quy Nhơn | Phú Quý, Bình Thuận | PGS |
| 12 | Nguyễn Thị Hoài | 27/06/1982 | Nữ | Toán học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc | PGS |
| 13 | Phạm Việt Hùng | 20/01/1987 | Nam | Toán học | Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Kiến Xương, Thái Bình | PGS |

| | | | | | | | |
|----|----------------------|------------|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 14 | Phạm Duy Khánh | 18/02/1982 | Nam | Toán học | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh | Hương Sơn, Hà Tĩnh | PGS |
| 15 | Võ Sĩ Trọng Long | 13/08/1980 | Nam | Toán học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 16 | Tăng Văn Long | 19/7/1976 | Nam | Toán học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Thành phố Hải Dương, Hải Dương | PGS |
| 17 | Phạm Hồng Nam | 21/06/1985 | Nam | Toán học | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Kiến Xương, Thái Bình | PGS |
| 18 | Nguyễn Thị Ngọc Oanh | 28/09/1985 | Nữ | Toán học | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Kim Động, Hưng Yên | PGS |
| 19 | Trần Minh Phương | 13/09/1986 | Nữ | Toán học | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Thành phố Quy Nhơn, Bình Định | PGS |
| 20 | Cao Xuân Phương | 18/04/1986 | Nam | Toán học | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Thị xã Đức Phổ, Quảng Ngãi | PGS |
| 21 | Nguyễn Minh Trí | 27/10/1984 | Nam | Toán học | Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Vĩnh Cửu, Đồng Nai | PGS |

| | | | | | | | |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------|------------|-----|---------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------|-----|
| 22 | Võ Viết Trí | 05/05/1966 | Nam | Toán học | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Điện Bàn, Quảng Nam | PGS |
| 23. HĐGS liên ngành Triết học - Chính trị học - Xã hội học | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quang Hưng | 04/04/1961 | Nam | Triết học | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội | Ba Vì, Hà Nội | GS |
| 2 | Lại Quốc Khánh | 24/09/1976 | Nam | Chính trị học | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội | Cầu Giấy, Hà Nội | GS |
| 3 | Nguyễn Thị Thu Hòa | 04/12/1976 | Nữ | Chính trị học | Trường Đại học Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Tam Nông, Phú Thọ | PGS |
| 4 | Đào Thị Thanh Thủy | 13/10/1980 | Nữ | Chính trị học | Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam | Hải Hậu, Nam Định | PGS |

24. HĐGS liên ngành Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao

| | | | | | | | |
|---|---------------------|------------|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----|
| 1 | Đặng Thị Phương Anh | 13/09/1983 | Nữ | Văn hoá | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội | Long Biên, Hà Nội | PGS |
| 2 | Hoàng Cẩm | 01/05/1973 | Nam | Văn hoá | Viện Nghiên cứu Văn hoá, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam | Phù Yên, Sơn La | PGS |
| 3 | Phạm Hùng Cường | 26/12/1969 | Nam | Nghệ thuật | Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp | Vũ Thư, Thái Bình | PGS |
| 4 | Huỳnh Văn Đà | 30/10/1982 | Nam | Văn hoá | Trường Đại học Cần Thơ | Đầm Dơi, Cà Mau | PGS |
| 5 | Lê Thị Ngọc Điệp | 19/05/1973 | Nữ | Văn hoá | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Cần Đước, Long An | PGS |
| 6 | Đặng Hoài Giang | 05/09/1986 | Nam | Văn hoá | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội | Vũ Quang, Hà Tĩnh | PGS |

| | | | | | | | |
|-----------------------------|-------------------|------------|-----|------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|-----|
| 7 | Lê Thị Mỹ Hạnh | 12/09/1983 | Nữ | Thể dục thể thao | Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh | Cần Giuộc, Long An | PGS |
| 8 | Nguyễn Văn Hòa | 16/12/1975 | Nam | Thể dục thể thao | Trường Đại học Cần Thơ | Châu Thành, Hậu Giang | PGS |
| 9 | Đổng Hương Lan | 10/10/1977 | Nữ | Thể dục thể thao | Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa | Nông Cống, Thanh Hoá | PGS |
| 10 | Phạm Chiến Thắng | 16/11/1985 | Nam | Văn hoá | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Quảng Xương, Thanh Hóa | PGS |
| 11 | Quảng Đại Tuyên | 10/09/1985 | Nam | Văn hoá | Trường Đại học Nguyễn Tất Thành | Ninh Phước, Ninh Thuận | PGS |
| 12 | Vũ Văn Viện | 28/05/1978 | Nam | Văn hoá | Trường Đại học Hạ Long | Yên Hưng, Quảng Ninh | PGS |
| 26.HĐGS ngành Vật lý | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quang Hưng | 24/07/1980 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Duy Tân | Lê Chân, Hải Phòng | GS |
| 2 | Đỗ Văn Nam | 20/02/1980 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Phenikaa | Thanh Liêm, Hà Nam | GS |
| 3 | Nguyễn Thành Tiên | 09/09/1976 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Cần Thơ | Cái Bè, Tiền Giang | GS |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|------------|-----|--------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 4 | Nguyễn Thanh Tùng | 18/08/1983 | Nam | Vật lý | Viện Khoa học Vật liệu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Gia Viễn, Ninh Bình | GS |
| 5 | Nguyễn Ngọc Anh | 23/10/1989 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Phenikaa | Gia Bình, Bắc Ninh | PGS |
| 6 | Đỗ Thùy Chi | 07/10/1982 | Nữ | Vật lý | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên | Kiến Xương, Thái Bình | PGS |
| 7 | Đặng Thị Mỹ Dung | 20/05/1980 | Nữ | Vật lý | Viện Công nghệ Nano, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Vũng Liêm, Vĩnh Long | PGS |
| 8 | Ngô Ngọc Hà | 19/10/1979 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Phenikaa | Vĩnh Linh, Quảng Trị | PGS |
| 9 | Đỗ Thị Huế | 02/05/1987 | Nữ | Vật lý | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên | Thái Thụy, Thái Bình | PGS |
| 10 | Huỳnh Anh Huy | 09/04/1980 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Cần Thơ | Trà Ôn, Vĩnh Long | PGS |
| 11 | Bùi Xuân Khuyến | 20/10/1988 | Nam | Vật lý | Viện Khoa học Vật liệu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Xuân Trường, Nam Định | PGS |
| 12 | Phạm Tiến Lâm | 19/04/1982 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Phenikaa | Thái Thụy, Thái Bình | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------|------------|-----|--------|------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----|
| 13 | Nguyễn Thị Luyến | 26/12/1982 | Nữ | Vật lý | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Thạch Thất, Hà Nội | PGS |
| 14 | Nguyễn Văn Mện | 01/01/1983 | Nam | Vật lý | Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Phước Long, Bạc Liêu | PGS |
| 15 | Nguyễn Văn Nghĩa | 20/01/1979 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Thủy lợi | Trực Ninh, Nam Định | PGS |
| 16 | Trần Trung Nghĩa | 01/10/1982 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Cà Mau, Cà Mau | PGS |
| 17 | Lê Đức Ninh | 15/11/1981 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Phenikaa | Hoàng Hóa, Thanh Hóa | PGS |
| 18 | Nguyễn Huy Thảo | 04/06/1976 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 | Lý Nhân, Hà Nam | PGS |
| 19 | Lê Quang Thảo | 28/10/1982 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội | Nông Cống, Thanh Hóa | PGS |
| 20 | Phạm Tấn Thi | 01/11/1983 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Lấp Vò, Đồng Tháp | PGS |

| | | | | | | | |
|-------------------------------------------------|--------------------|------------|-----|----------|----------------------------------------------|------------------------------------|-----|
| 21 | Nguyễn Thị Thủy | 02/06/1980 | Nữ | Vật lý | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế | Ứng Hòa, Hà Nội | PGS |
| 22 | Trần Thu Trang | 07/12/1987 | Nữ | Vật lý | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang | PGS |
| 23 | Lê Minh Tùng | 09/7/1973 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Tiền Giang | Thành phố Gò Công, Tiền Giang | PGS |
| 24 | Dương Thanh Tùng | 22/10/1984 | Nam | Vật lý | Trường Vật liệu, Đại học Bách khoa Hà Nội | Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên | PGS |
| 25 | Đặng Minh Triết | 13/04/1984 | Nam | Vật lý | Trường Đại học Cần Thơ | Châu Thành, Trà Vinh | PGS |
| 26 | Chu Thị Anh Xuân | 05/02/1981 | Nữ | Vật lý | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên | Thị xã Sơn Tây, Hà Nội | PGS |
| 27. HĐGS liên ngành Xây dựng - Kiến trúc | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Hoàng Giang | 05/07/1980 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Hải Hậu, Nam Định | GS |
| 2 | Trần Thị Việt Nga | 11/09/1974 | Nữ | Xây dựng | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Thanh Chương, Nghệ An | GS |
| 3 | Trần Vũ An | 24/08/1981 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Cần Thơ | Vĩnh Lợi, Bạc Liêu | PGS |
| 4 | Vũ Chí Công | 20/11/1987 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Hoàng Hóa, Thanh Hóa | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| 5 | Nguyễn Hùng Cường | 13/05/1978 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Thạch Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 6 | Nguyễn Duy Dẫn | 13/04/1985 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Vinh | Lộc Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 7 | Nguyễn Thị Tuyết Dung | 30/05/1977 | Nữ | Xây dựng | Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội | Nam Đàn, Nghệ An | PGS |
| 8 | Trần Quang Dũng | 15/08/1984 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Hương Sơn, Hà Tĩnh | PGS |
| 9 | Nguyễn Công Giang | 13/12/1963 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội | Việt Yên, Bắc Giang | PGS |
| 10 | Hoàng Minh Giang | 05/02/1983 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình | PGS |
| 11 | Cao Văn Hóa | 26/09/1959 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh | Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh | PGS |
| 12 | Mai Sỹ Hùng | 10/10/1971 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Xây dựng Hà nội | Diễn Châu, Nghệ An | PGS |
| 13 | Nguyễn Trung Kiên | 14/10/1986 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | Yên Định, Thanh Hóa | PGS |
| 14 | Vũ Minh Ngạn | 04/11/1982 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Mỏ - Địa chất | Hoàng Mai, Hà Nội | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----|
| 15 | Trương Đình Nhật | 13/03/1983 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 16 | Hoàng Thị Tuyết Nhung | 14/04/1982 | Nữ | Xây dựng | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Thạch Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 17 | Trần Văn Quân | 26/12/1988 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải | Hoài Đức, Hà Nội | PGS |
| 18 | Liêu Xuân Quý | 14/11/1985 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương | PGS |
| 19 | Trần Minh Tùng | 28/05/1978 | Nam | Xây dựng | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Tây Hòa, Phú Yên | PGS |
| 20 | Trần Thị Thúy Vân | 21/12/1979 | Nữ | Xây dựng | Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội | Vụ Bản, Nam Định | PGS |

28. HĐGS ngành Y học

| | | | | | | | |
|---|-----------------------|------------|-----|-------|------------------------------------------------|----------------------|-----|
| 1 | Phạm Lê An | 26/04/1963 | Nam | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Tam Bình, Vĩnh Long | GS |
| 2 | Trần Phan Chung Thủy | 12/06/1965 | Nữ | Y học | Khoa Y, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Cần Giuộc, Long An | GS |
| 3 | Trịnh Thị Diệu Thường | 02/08/1980 | Nữ | Y học | Cục quản lý Y dược cổ truyền, Bộ Y tế | Hưng Hà, Thái Bình | GS |
| 4 | Phạm Thế Anh | 15/04/1977 | Nam | Y học | Bệnh viện K | Ứng Hòa, Hà Nội | PGS |
| 5 | Hoàng Đình Âu | 13/07/1971 | Nam | Y học | Bệnh viện Đại học Y Hà Nội | Thanh Trì, Hà nội | PGS |
| 6 | Lê Khắc Bảo | 05/12/1973 | Nam | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Hoàng Hóa, Thanh Hóa | PGS |
| 7 | Nguyễn Thành Bắc | 16/10/1974 | Nam | Y học | Học viện Quân y | Kim Thành, Hải Dương | PGS |
| 8 | Nguyễn Thanh Bình | 10/10/1977 | Nam | Y học | Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch | Trà Cú, Trà Vinh | PGS |
| 9 | Đỗ Văn Chiến | 17/11/1980 | Nam | Y học | Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108 | Hoàng Hóa, Thanh Hóa | PGS |

| | | | | | | | |
|----|----------------------|------------|-----|-------|---------------------------------------|-------------------------------|-----|
| 10 | Hồ Nguyễn Thanh Chơn | 09/05/1976 | Nam | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Phú Lộc, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 11 | Ngô Văn Công | 21/06/1981 | Nam | Y học | Bệnh viện Chợ Rẫy | Bình Sơn, Quảng Ngãi | PGS |
| 12 | Bùi Khắc Cường | 15/05/1983 | Nam | Y học | Học viện Quân y | Thạch Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 13 | Hoàng Quốc Cường | 22/10/1982 | Nam | Y học | Sở Y tế Thành phố Cần Thơ | Gio Linh, Quảng Trị | PGS |
| 14 | Phạm Bích Diệp | 20/10/1979 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Duy Tiên, Hà Nam | PGS |
| 15 | Nguyễn Văn Đĩnh | 16/07/1983 | Nam | Y học | Trường Đại học VinUni | Gia Lộc, Hải Dương | PGS |
| 16 | Nguyễn Hữu Châu Đức | 21/07/1981 | Nam | Y học | Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế | Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 17 | Trần Văn Giang | 10/07/1979 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Nghĩa Hưng, Nam Định | PGS |
| 18 | Nguyễn Hồng Hà | 23/04/1982 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | Duy Tiên, Hà Nam | PGS |
| 19 | Đỗ Thị Hà | 21/09/1970 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch | Thường Tín, Hà Nội | PGS |
| 20 | Trần Thị Thúy Hà | 23/10/1971 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng | Nam Sách, Hải Dương | PGS |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|------------|-----|-------|------------------------------------------------|-----------------------------------|-----|
| 21 | Tăng Xuân Hải | 09/05/1966 | Nam | Y học | Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An | Diễn Châu, Nghệ An | PGS |
| 22 | Lê Thị Hằng | 26/03/1964 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội | Lộc Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 23 | Trần Quang Hiến | 06/11/1975 | Nam | Y học | Sở Y tế An Giang | Châu Phú, An Giang | PGS |
| 24 | Đỗ Thị Thu Hiền | 06/04/1975 | Nữ | Y học | Bệnh viện Da liễu Trung ương | Phú Xuyên, Hà Nội | PGS |
| 25 | Trần Quốc Hòa | 24/07/1976 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Vinh Lộc, Thanh Hóa | PGS |
| 26 | Lê Hoàn | 01/03/1982 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Bắc Giang, Bắc Giang | PGS |
| 27 | Trần Huy Hoàng | 13/02/1971 | Nam | Y học | Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương | Nam Sách, Hải Dương | PGS |
| 28 | Lê Minh Hoàng | 01/05/1987 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | Mỹ Lộc, Nam Định | PGS |
| 29 | Nguyễn Thanh Huân | 19/10/1981 | Nam | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | PGS |
| 30 | Trần Đức Hùng | 21/04/1974 | Nam | Y học | Học viện Quân y | Ứng Hòa, Hà Nội | PGS |
| 31 | Phạm Ngọc Hùng | 19/05/1977 | Nam | Y học | Bệnh viện Trung ương Huế | Tuy Phước, Bình Định | PGS |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|------------|-----|-------|----------------------------------------------|--------------------------|-----|
| 32 | Hoàng Trọng Hùng | 23/09/1969 | Nam | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Hương Phú, Thành phố Huế | PGS |
| 33 | Nguyễn Trọng Hưng | 02/10/1977 | Nam | Y học | Viện Dinh dưỡng | Thành phố Phủ Lý, Hà Nam | PGS |
| 34 | Bùi Thị Thu Hương | 19/09/1979 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên | Mỹ Đức, Hà Nội | PGS |
| 35 | Đỗ Nam Khánh | 20/10/1985 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Nam Trực, Nam Định | PGS |
| 36 | Lê Thị Hương Lan | 03/11/1974 | Nữ | Y học | Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên | Tĩnh Gia, Thanh Hóa | PGS |
| 37 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | 31/12/1985 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Kinh Môn, Hải Dương | PGS |
| 38 | Nguyễn Thùy Linh | 24/11/1979 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Đông Anh, Hà Nội | PGS |
| 39 | Lê Tuấn Linh | 11/10/1977 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Long Biên, Hà Nội | PGS |
| 40 | Võ Duy Long | 26/07/1977 | Nam | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Thăng Bình, Quảng Nam | PGS |
| 41 | Nguyễn Văn Lượng | 23/08/1977 | Nam | Y học | Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108 | Thanh Liêm, Hà Nam | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------------|------------|-----|-------|----------------------------------------------|----------------------------|-----|
| 42 | Lê Văn Minh | 01/01/1976 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | Tam Bình, Vĩnh Long | PGS |
| 43 | Lê Văn Nam | 15/11/1977 | Nam | Y học | Học viện Quân y | Đô Lương, Nghệ An | PGS |
| 44 | Phạm Hồng Nhung | 24/04/1976 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Gia Viễn, Ninh Bình | PGS |
| 45 | Nguyễn Thị Trang Nhung | 12/01/1979 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y tế Công Cộng | Nghi Lộc, Nghệ An | PGS |
| 46 | Phan Đình Phong | 23/10/1977 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Lộc Hà, Hà Tĩnh | PGS |
| 47 | Phạm Duy Quang | 02/01/1982 | Nam | Y học | Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh | Đức Hòa, Long An | PGS |
| 48 | Vũ Văn Quang | 12/09/1983 | Nam | Y học | Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108 | Duy Tiên, Hà Nam | PGS |
| 49 | Trần Ngọc Quế | 20/11/1973 | Nam | Y học | Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương | Thiệu Hóa, Thanh Hóa | PGS |
| 50 | Huỳnh Thị Vũ Quỳnh | 02/02/1980 | Nữ | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Tur Nghĩa, Quảng Ngãi | PGS |
| 51 | Đỗ Thị Thảo | 29/05/1977 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | Thị xã Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc | PGS |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|------------|-----|-------|----------------------------------------------|-----------------------------------|-----|
| 52 | Nguyễn Toàn Thắng | 16/09/1975 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Hậu Lộc, Thanh Hoá | PGS |
| 53 | Nguyễn Văn Thọ | 25/02/1975 | Nam | Y học | Khoa Y, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Tuy Phong, Bình Thuận | PGS |
| 54 | Đỗ Đức Thuần | 20/05/1976 | Nam | Y học | Học viện Quân y | Thành phố Sầm Sơn, Thanh Hoá | PGS |
| 55 | Võ Phạm Minh Thư | 16/08/1976 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | Châu Thành, Hậu Giang | PGS |
| 56 | Phạm Văn Thương | 26/02/1978 | Nam | Y học | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng | Kiến Thụy, Hải Phòng | PGS |
| 57 | Nguyễn Vũ Thượng | 19/07/1972 | Nam | Y học | Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh | Quảng Điền, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 58 | Nguyễn Thu Tịnh | 11/02/1977 | Nam | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi. | PGS |
| 59 | Nguyễn Hữu Trí | 28/09/1976 | Nam | Y học | Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế | Triệu Phong, Quảng Trị | PGS |
| 60 | Đặng Tiến Trường | 05/12/1983 | Nam | Y học | Học viện Quân y | Chương Mỹ, Hà Nội | PGS |
| 61 | Nguyễn Thị Thanh Tú | 26/01/1978 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Tứ Kỳ, Hải Dương | PGS |

| | | | | | | | |
|----|----------------------|------------|-----|-------|---------------------------------------|-----------------------------------|-----|
| 62 | Nguyễn Văn Tuấn | 18/11/1975 | Nam | Y học | Trường Đại học Y khoa Vinh | Hưng nguyên, Nghệ An | PGS |
| 63 | Nguyễn Thanh Tùng | 16/02/1970 | Nam | Y học | Học viện Quân y | Quốc Oai, Hà Nội | PGS |
| 64 | Nguyễn Thanh Tùng | 05/01/1985 | Nam | Y học | Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế | Thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế | PGS |
| 65 | Hoàng Thị Hải Vân | 20/11/1976 | Nữ | Y học | Trường Đại học Y Hà Nội | Hà Trung, Thanh Hoá | PGS |
| 66 | Nguyễn Thị Khánh Vân | 02/09/1969 | Nữ | Y học | Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương | Thanh Ba, Phú Thọ | PGS |
| 67 | Ngô Anh Vinh | 13/03/1975 | Nam | Y học | Bệnh viện Nhi Trung ương | Yên Thành, Nghệ An | PGS |
| 68 | Ngô Minh Vinh | 23/01/1971 | Nam | Y học | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch | Đại Lộc, Quảng Nam | PGS |
| 69 | Nguyễn Hoàng Vũ | 14/11/1965 | Nam | Y học | Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh | Đức Hòa, Long An | PGS |
| 70 | Lê Nguyễn Vũ | 02/03/1979 | Nam | Y học | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức | Hoàng Hóa, Thanh Hóa | PGS |

| | | | | | | | |
|----|------------------|------------|-----|-------|----------------------------------------------|---------------------|-----|
| 71 | Nguyễn Trọng Yên | 28/08/1973 | Nam | Y học | Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108 | Yên Định, Thanh Hóa | PGS |
|----|------------------|------------|-----|-------|----------------------------------------------|---------------------|-----|